TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **49**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố H, ngày 22 tháng 7 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - THÀNH PHỐ H

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 361 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 288/2025/TLST-HNGĐ ngày 05/6/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Lê Tấn L**, sinh ngày 07/11/1981, CCCD số: 0860... ngày cấp 22/11/2021.

- Bà **Lê Thị Ngọc Q**, sinh ngày 21/7/1984, CCCD số: 0861... ngày cấp 28/02/2023.

Cùng địa chỉ: 554/19 NB, ấp 1, xã PX, huyện N, Thành phố H (nay là xã N, Thành phố H).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 14/7/2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm pháp luật, không trái với đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Tấn L và bà Lê Thị Ngọc Q thuận tình ly hôn.

(Giấy chứng nhận kết hôn quyển số 01/2009 ngày 20/02/2009 đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường 3, thị xã VL, tỉnh VL, nay là phường PH, tỉnh VL)

2.2. Về con chung: Ông Lê Tấn L và bà Lê Thị Ngọc Q có ba con chung là trẻ Lê Ngọc Bảo Ch, sinh ngày 18/4/2010, trẻ Lê Ngọc Bảo A, sinh ngày 27/8/2012, và trẻ Lê Nguyễn Đăng K, sinh ngày 10/10/2019. Hai bên thống nhất giao con chung là

Lê Nguyễn Đăng K cho bà Lê Thị Ngọc Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao hai con chung là Lê Ngọc Bảo A và Lê Ngọc Bảo Ch cho ông Lê Tấn L trực tiếp nuôi dưỡng, không bên nào cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Vì lợi ích con chung, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể ra quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng cho con.

2.3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Hai bên xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000đồng, bà Lê Thị Ngọc Q và ông Lê Tấn L có nghĩa vụ phải nộp; được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đồng theo Biên lai thu tiền số 0058559 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, Thành phố H. Bà Lê Thị Ngọc Q và ông Lê Tấn L đã nộp đủ lệ phí.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Thành phố H;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 - Thành phố H;
- Ủy ban nhân dân phường PH, tỉnh VL;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đinh Hữu Đức

TAND KHU VỰC 6

ZDG220725.TL.QDBA
201